TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **117**/2019/HS-ST
Ngày: 08/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lương Sơn T; Sinh ngày: 03/8/1978; Tại: Thành phố Hà Nội; Thường trú: 8B tổ 38B, đường GV, phường TC, quận BĐ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Ngọc T và bà: Nguyễn Thị C; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 07/4/2019.

Nhân thân:

- Ngày 01/11/2000, bị Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản của công dân» (Bản án số: 65/HSST). Bị cáo chưa thi hành hình phạt bổ sung (Biên bản xác minh ngày 27/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội).

- Ngày 13/02/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội «Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản». Tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù của Bản án số: 65/HSST ngày 01/11/2000 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 16 tháng tù (Bản án số: 07/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/11/2001 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 962/GCN của Trại giam

Thanh Lâm). Bị cáo chưa thi hành phần án phí và bồi thường (Biên bản xác minh ngày 27/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội).

- Ngày 20/12/2005, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Bản án số: 652/2005/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/7/2015 và đã thi hành xong phần án phí ngày 14/10/2008 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 475/GCN của Trại giam Xuân Nguyên và Biên bản xác minh ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội).

(có mặt)

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1970; Trú tại: 254/18D đường NVL, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Bích H; Sinh năm: 1989; Trú tại: 48/2A đường CK, phường TT A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Việt H; Sinh năm: 1978; Thường trú: Số 5, ngõ NP 1, phường ĐG, quận NQ, Thành phố Hải Phòng.

(vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Trung T; Sinh năm: 1971; Trú tại: 268/5 ấp KN, xã TKĐ, thị xã SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

(vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Trúc Đ; Sinh năm: 1996; Thường trú: ấp KN, xã TKĐ, thị xã SĐ, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: 51/30 đường LPM, phường TT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 07/4/2019, qua trình báo của bà Nguyễn Thị T, Công an Phường 3, Quận 6 bắt quả tang Lương Sơn T đang nhận của bà T 10.000.000 đồng tại quán cà phê số 128 đường BT, Phường C, Quận F. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ đối tượng có mặt tại chỗ là Nguyễn Việt H. Sau đó, đã giao T, H cùng vật chứng nêu trên và chiếc xe gắn máy biển số 66S1-227.12 thu giữ của T cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Quá trình điều tra, xác định được như sau:

Ngày 22/02/2019, con của bà Nguyễn Thị T là Đào Văn P bị Công an Quận 9 bắt về hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó, bà T nói lại với bà Nguyễn Thị Bích H và nhờ bà H tìm người giúp cho P được tại ngoại, bà H giới thiệu Lương

Sơn T cho bà T và T đã hứa với bà T là sẽ giúp cho P được tại ngoại điều tra với số tiền 70.000.000 đồng, bà T đồng ý, đồng thời giao số tiền trên cho T tại quán ăn Màu Tím (địa chỉ: số 17 đường Hòa Bình, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức). Tối ngày 22/02/2019, T kêu bà H nói với bà T đưa thêm 10.000.000 đồng để T đi tiếp khách lo chuyện tại ngoại cho P. Đến 22 giờ cùng ngày, bà H cầm 10.000.000 đồng của bà T đưa đem đến điểm hẹn tại trước nhà số 801 đường Trần Hưng Đạo, Quận 5 đưa cho T. Sau khi có tiền, T mua chiếc xe gắn máy biển số 66S1-227.12 và tiêu xài hết. Khoảng nửa tháng sau, T đến nhà gặp và kêu bà T đưa 10.000.000 đồng để lo cho P được sống thoải mái trong thời bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9. Do không có tiền nên bà T chỉ đưa cho T 5.000.000 đồng, T nhận tiền và kêu bà T chuẩn bị tiếp 30.000.000 đồng để sau khi P được hưởng án treo thì đưa cho T để T cảm ơn «người ta». Đến ngày 03/4/2019, T đến nhà hối thúc bà T đưa tiền, nhưng bà T hẹn ngày 05/4/2019 sẽ đưa cho T. Ngày 04/4/2019, T liên tục gọi điện thoại cho bà T kêu đưa tiền và đến ngày 05/4/2019, T đến nhà bà T lấy tiền nhưng T nói khi nào có tiền sẽ điện thoại báo cho T biết. Sáng ngày 07/4/2019, bà T điện thoại cho T nói chỉ có 10.000.000 đồng và kêu T đến quán cà phê số 128 đường Bình Tiên, Phường 3, Quận 6 nhận tiền. Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe gắn máy biển số 66S1-227.12 chở Nguyễn Việt H đến điểm hẹn gặp bà T và sau khi nhận 10.000.000 đồng từ bà T thì T bị Công an Phường 3, Quận 6 bắt giữ như nêu trên. Tính đến ngày bị bắt, Tùng đã nhận của bà T tổng cộng là 95.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bích H khai: H và T là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Trong những lần gặp mặt, H có nghe T nói quen biết nhiều người làm việc trong cơ quan nhà nước, nên khi nghe bà T nhờ tìm người giúp cho Đào Văn P được tại ngoại thì H đã điện thoại nhờ T giúp cho bà T, nhưng sau khi nghe bà T phản ánh có khả năng bị lừa thì H đã đề nghị bà T đến Công an Phường 3, Quận 6 trình báo sự việc.

Nguyễn Việt H xác nhận nhiều lần thấy bà T đưa tiền cho Lương Sơn T, nhưng không biết là tiền gì và tổng cộng là bao nhiêu.

Tại Cáo trạng số: 117/CT-VKS ngày 17 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lương Sơn T về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Sơn T khai: Sau khi nghe bà Nguyễn Thị Bích H kể lại việc bà Nguyễn Thị T muốn tìm người giúp cho con bà là Đào Văn P (đang bị Công an Quận 9 bắt về hành vi trộm cắp tài sản), bị cáo đã nói dối với bà H là có quen với nhiều người làm việc trong ngành tư pháp và bị cáo có thể giúp bà T lo cho P được tại ngoại. Và tính đến ngày bị bắt, bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bà T tổng cộng là 95.000.000 đồng như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lương Sơn T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lương Sơn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Lương Sơn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 85.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7, số Imei 1: 356472094922250, số Imei 2: 356472094922258.

Trả lại ông Nguyễn Việt H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7, số Imei 1: 351580103759888, số Imei 2: 351580103759886.

Trả lại ông Nguyễn Trung T 01 chiếc xe gắn máy biển số 66S1-227.12, số khung RLHKF1437FY012867, số máy KF14E0112879 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại SH150I, sơn màu Đỏ Đen, dung tích 152.9).

Còn 01 gói niêm phong màu trắng, bên ngoài có hình dấu Công an Phường 3, Quận 6, bên trong có 20 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại bà Nguyễn Thị T, nên không đề nghị xử lý.

Đối với các bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích H, tuy có hành vi đưa hối lộ, nhưng sau khi biết bị Lương Sơn T lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bà đã chủ động đến cơ quan Công an trình báo sự việc trước khi bị phát giác, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở, do đó không đề nghị giải quyết.

Còn ông Nguyễn Việt H, Cơ quan điều tra không chứng minh được H có liên quan đến hành vi phạm tội của Lương Sơn T, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lương Sơn T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và bị cáo xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lương Sơn T tại phiên tòa với Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của các ông bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn Việt H và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lương Sơn T đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lợi dụng con bà Nguyễn Thị T là Đào Văn P đang bị Công an Quận 9 tạm giữ về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Lương Sơn T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bà T bằng cách nói dối với bà T là bị cáo quen biết nhiều người làm trong ngành tư pháp và bị cáo có thể chạy lo cho con bà T được tại ngoại cũng như được hưởng án treo. Tin thật, bà T đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo và tính đến ngày bị bắt, bị cáo đã chiếm đoạt của bà T tổng cộng 95.000.000 đồng. Hành vi này của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lương Sơn T về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ.

Bị cáo Lương Sơn T là người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo Lương Sơn T đã liên tiếp bốn lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, là phạm tội thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên». Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Ngoài ra, bị cáo Lương Sơn T còn có nhân thân rất xấu, đó là ngày 01/11/2000, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản của công dân»; ngày 13/02/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội «Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản». Tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù của Bản án ngày 01/11/2000 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 16 tháng tù; ngày 20/12/2005, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Mặc dù bản án ngày 01/11/2000 và bản án ngày 13/02/2001, bị cáo chưa thi hành xong phần án phí, nộp phạt, nhưng bản án gần

nhất là bản án ngày 20/12/2005 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa không tuyên bố bị cáo phạm tội với tình tiết định khung là «Tái phạm nguy hiểm», bản án này đến nay đã có hiệu lực pháp luật (không bị kháng cáo, kháng nghị) và đã được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Chính vì vậy, để đảm bảo các quy định có lợi cho người phạm tội theo Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, Viện kiểm sát không xác định ba bản án trên của bị cáo là tiền án là có cơ sở. Nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần, nhưng bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội hết lần này đến lần khác.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lương Sơn T là nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Lương Sơn T còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra, bà T yêu cầu bị cáo Lương Sơn T bồi thường cho bà số tiền 85.000.000 đồng (theo Biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2019 của Công an Quận 6 - BL79, 80). Xét yêu cầu của bà T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lương Sơn T chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Lương Sơn T còn phải trả bà Nguyễn Thị T khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Việc xử lý vật chứng: Phương tiện mà bị cáo Lương Sơn T dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7, số Imei 1: 356472094922250, số Imei 2: 356472094922258, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Còn 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7, số Imei 1: 351580103759888, số Imei 2: 351580103759886 thu giữ của ông Nguyễn Việt H. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả chiếc điện thoại lại cho ông Hùng vì không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo Lương Sơn T. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc xe gắn máy biển số 66S1-227.12 mà Công an thu giữ của bị cáo Lương Sơn T, theo Phiếu trả lời xác minh ngày 24/10/2019 của Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe này có số khung RLHKF1437FY012867, số máy KF14E0112879 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại SH150I, sơn màu Đỏ Đen, dung tích 152.9), do ông Nguyễn Trung T đứng tên chủ xe. Qua ghi lời khai của ông T và bà Nguyễn Thị Trúc Đ được biết: Năm 2018, ông T giao chiếc xe cho con ông là bà Đ quản lý sử dụng. Sau đó, bà Đ gửi xe lại cho một người bạn tên Thịnh (không rõ lai lịch) và từ khi giao xe cho Thịnh đến nay, bà Đ không liên lạc được với Thịnh. Còn bị cáo khai mua chiếc xe này từ một người bạn tên Thịnh (nhà ở Quận 8). Khi bán xe cho bị cáo, Thịnh có đưa cho bị cáo 01 giấy nợ thể hiện Nguyễn Thị Trúc Đ vay của Thịnh 100.000.000 đồng và bà Đ thế chấp chiếc xe cho Thịnh, nhưng tờ giấy nợ đó, bị cáo đã làm mất. Xét thấy chiếc xe gắn máy biển số 66S1-227.12 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (ngoài lời khai của bà Nguyễn Thị Trúc Đ thì bà Đ không có gì chứng minh việc bà gửi xe cho Thịnh). Mặt khác, hồ sơ cũng chưa thể hiện Cơ quan điều tra đã thông báo tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Hội đồng xét xử giao chiếc xe lại cho Công an Quận 6 giải quyết theo thẩm quyền, sau khi xác minh làm rõ người quản lý hợp pháp của chiếc xe.

(theo hai Phiếu nhập kho vật chứng số: 67/PNK ngày 16 tháng 4 năm 2019 và số: 121/PNK ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Công an Quận 6).

Cơ quan điều tra đã xử lý trả 01 gói niêm phong màu trắng, bên ngoài có hình dấu Công an Phường 3, Quận 6, bên trong có 20 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 03/9/2019 - BL194), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với các bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích H, tuy có hành vi đưa hối lộ, nhưng Viện kiểm sát cho rằng sau khi biết bị Lương Sơn T lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bà đã chủ động đến cơ quan Công an trình báo sự việc trước khi bị phát giác, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Còn ông Nguyễn Việt H, Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lương Sơn T, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Bị cáo Lương Sơn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Lương Sơn T** phạm tội: «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản».

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lương Sơn T** 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lương Sơn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị T 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lương Sơn T chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Lương Sơn T còn phải trả bà Nguyễn Thị T khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7, số Imei 1: 356472094922250, số Imei 2: 356472094922258.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại ông Nguyễn Việt H 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7, số Imei 1: 351580103759888, số Imei 2: 351580103759886.

Giao 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 66S1-227.12, số khung RLHKF1437FY012867, số máy KF14E0112879 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại SH150I, sơn màu Đỏ Đen, dung tích 152.9) cho Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền, sau khi xác minh làm rõ người quản lý hợp pháp của chiếc xe.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lương Sơn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.250.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lương Sơn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên